

**ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY:
ƯU ĐIỂM, MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN**
CURRENT CREDIT-BASED TRAINING IN OUR COUNTRY:
ADVANTAGES, INADEQUACIES AND IMPROVEMENT MEASURES

Nguyễn Tấn Hùng

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Bài báo phân tích những lợi thế của đào tạo tín chỉ ở nước ta và ở Đại học Đà Nẵng, đồng thời chỉ ra một số yếu kém của nó, như những bất cập về trình độ khoa học và chuyên môn của giảng viên, về thái độ học tập của sinh viên, về điều kiện vật chất cho giáo dục và đào tạo. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện. Đó là: xây dựng được một đội ngũ giảng viên có tâm huyết với khoa học, có trình độ cao về chuyên môn và ngoại ngữ; cải cách chế độ tuyển sinh bằng cách hoàn thiện hệ thống thi đầu vào; từng bước áp dụng việc dạy và học bằng song ngữ ở những môn học chuyên ngành; đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ cho đào tạo.

ABSTRACT

The paper analyzes the advantages of the credit-based training in our country in general and in Danang University in particular and at the same time shows some of its weaknesses, such as inadequacies in academic and professional qualifications of university lecturers, in the learning attitude of students and in material facilities for education and training. On that basis, the paper proposes some solutions to the problem for improvement: 1) developing a high-quality teaching staff with enthusiasm for scientific studies and good professional knowledge and foreign language, 2) reforming students recruitment policies by improving the university entrance examination system, 3) step by step applying bilingual teaching for professional programs and 4) ensuring an adequate supply of educational facilities.

Thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ là một yêu cầu của đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước và đuổi kịp trình độ tiên tiến của thế giới. Chất lượng và tiện ích của đào tạo theo tín chỉ so với đào tạo theo niên chế là điều đã được khẳng định qua quá trình đào tạo nhiều năm ở các trường đại học uy tín trên thế giới. Cùng với các trường đại học trong cả nước, Đại học Đà Nẵng tổ chức thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ đã được bốn năm học. Nhìn lại quá trình thực hiện mấy năm qua ai cũng có thể nhận thấy ưu điểm của loại hình đào tạo này so với đào tạo theo niên chế trước đây. Tuy nhiên, cũng còn nhiều bất cập cần phải chỉ ra và tìm biện pháp khắc phục.

1. Những ưu điểm

- Sinh viên tùy theo khả năng học tập của mình có thể quyết định số tín chỉ mà

mình có thể hoàn thành trong một học kỳ. Như vậy, sinh viên giỏi có thể rút ngắn thời gian học tập, không nhất thiết phải 4 hoặc 5 năm như đào tạo niên chế trước đây. Tuy cho đến nay ưu điểm này còn rất hạn chế, nhưng trong tương lai nó sẽ được phát huy ngày càng tốt hơn.

- Thời lượng lên lớp giảm mạnh, giúp cho sinh viên còn nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu. Hầu hết các môn học đều giảm khoảng trên dưới 50%, thậm chí có môn giảm trên 70% thời lượng. Như vậy, sẽ có một phần lớn kiến thức sinh viên phải tự nghiên cứu để nắm vững mà không cần phải lên lớp. Điều này có tính hợp lý, vì thật ra không nhất thiết hễ cái gì viết trong giáo trình thì thầy giáo phải giảng sinh viên mới hiểu được. Có nhiều vấn đề không cần giảng mà sinh viên có thể tự mình đọc hiểu được. Tự học sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian để sinh viên có thể học được nhiều kiến thức hơn. Đây là điều cần thiết nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của người học, mặc dù trong thực tế chỉ mới có một thiểu số được hưởng lợi thế này. Việc giảm thời lượng lên lớp còn giúp khắc phục một phần tình trạng giảng viên phải làm việc quá tải không cần thiết.

- Việc tổ chức thực hiện, mặc dù trong vài năm đầu còn nhiều trục trặc, nhưng cho đến nay một phần đã đi vào nề nếp. Kết quả đào tạo ở Trường Đại học Kinh tế cho thấy số lượng sinh viên khá giỏi ngày càng nhiều, nhất là số lượng sinh viên đạt tốt nghiệp giỏi và xuất sắc tăng lên một cách đáng kể với những năm đào tạo theo hệ niên chế.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện đào tạo tín chỉ ở nước ta nói chung và ở Đại học Đà Nẵng nói riêng còn nhiều bất cập, nếu khắc phục được thì việc đào tạo tín chỉ sẽ đạt được kết quả tốt hơn nhiều so với hiện nay.

2. Một số bất cập

Đổi mới và nâng cao chất lượng thì ai cũng muốn. Tuy nhiên, không phải muốn đổi mới thế nào cũng được. Theo quy luật, muốn đạt một “chất lượng” mới (tức bước nhảy) trong quá trình phát triển trong bất cứ một lĩnh vực nào của xã hội thì cần phải có những điều kiện nhất định về “số lượng” cũng như về tổ chức quản lý. Không có những điều kiện đảm bảo thì cái mới được tạo ra sẽ không phải là những “chất mới”, mà chỉ là những “biến dạng” theo hướng tồi tệ hơn chất cũ. Theo chúng tôi, việc thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ để nâng cao chất lượng hiện nay ở nước ta đang tồn tại một số bất cập như sau:

2.1. Về chất lượng đầu vào của sinh viên

Muốn đào tạo có chất lượng thì trước hết trình độ sinh viên đầu vào phải đảm bảo. Một sinh viên vào trường đại học nhưng khả năng tư duy trừu tượng kém, không có thói quen học tập theo kiểu tự tìm tòi, tự nghiên cứu thì dù giảng viên có giỏi đến mấy cũng phải bó tay. Nhìn chung khả năng tự nghiên cứu của sinh viên các trường đại học của chúng ta hiện nay rất kém. Những phẩm chất này của sinh viên có liên quan mật thiết đến quá trình giáo dục, đào tạo ở các cấp dưới và phải thông qua khâu tuyển

sinh để lựa chọn. Khâu tuyển sinh là yếu tố quyết định đầu tiên đối với chất lượng sinh viên. Tuy nhiên, chế độ tuyển sinh của chúng ta hiện nay chưa tính đến hai điểm quan trọng. Một là, khả năng tự học, tự nghiên cứu, vì khả năng này rất cần cho đào tạo tín chỉ. Hai là, khả năng ngoại ngữ là điều không thể thiếu được của một sinh viên đại học trong thời đại hội nhập quốc tế. Mặt khác, chế độ tuyển sinh đại học có tác động ngược lại đến việc học tập ở các cấp dưới. Chẳng hạn, nếu không có ưu tiên về trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh đại học thì học sinh phổ thông không quan tâm học ngoại ngữ, mà ngoại ngữ yếu thì làm sao học tốt ở đại học được.

Tuyển sinh các ngành kinh tế chỉ lấy khối A mà không lấy khối D mà một thiếu sót. Vì một học sinh khá giỏi ở khối D phổ thông (toán, văn, ngoại ngữ) cũng có khả năng học tốt nhiều chuyên ngành kinh tế, như kinh tế phát triển, quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch, v.v., thậm chí trong nhiều trường hợp, những kiến thức về văn, ngoại ngữ lại phát huy tác dụng nhiều hơn kiến thức về lý, hóa. Tuyển sinh vào học ngành triết học thì phải lấy khối D phù hợp hơn khối C như từ trước đến nay. Học sinh khối C yếu về toán học, khả năng tư duy trừu tượng kém nên ít có khả năng tiếp thu một cách có phê phán những vấn đề triết học trừu tượng. Nếu học triết học, chính trị mà chỉ biết học vẹt, không có đầu óc phê phán thì những con người như vậy được đào tạo ra và nắm giữ những chức vụ quan trọng trong nhà nước thì là một điều cực kỳ nguy hiểm cho xã hội.

Dù bất cứ khối nào, ngành nào thì cũng phải ưu tiên những học sinh có một kiến thức và khả năng ngoại ngữ nhất định. Không có ngoại ngữ thì sau khi vào trường, sinh viên ở các ngành như kinh tế, công nghệ thông tin, xã hội nhân văn, v.v., không có khả năng nghiên cứu, sáng tạo, vì họ quay lưng lại với một kho tàng kiến thức đồ sộ được phổ biến trên mạng internet chủ yếu bằng tiếng Anh. Một trong những điểm yếu của các trường đại học chúng ta so với các trường đại học ở Singapore là trình độ tiếng Anh của sinh viên. Nếu không có biện pháp để khắc phục tình trạng này thì các trường đại học của chúng ta khó có thể đạt được một đẳng cấp quốc tế nào.

2.2. Vấn đề đội ngũ giảng viên và chính sách đối với giảng viên

Ai cũng biết rằng vai trò quyết định chất lượng đào tạo là đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên các trường đại học nước ta hiện nay so với thế giới còn rất yếu về khả năng nghiên cứu và trình độ ngoại ngữ. Đúng ra, người được tuyển làm giảng viên phải là người nắm vững nhất lĩnh vực chuyên môn của mình. Tuy nhiên, tình hình không phải như vậy. Có nhiều ngành nghề người giỏi không vào học hoặc không chịu ở lại trường làm giảng viên.

Vấn đề lợi ích là một trong vấn đề có ý nghĩa quyết định. Muốn nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo thì không thể không quan tâm đến lợi ích của người lao động, tức đội ngũ giảng viên. Nhà nước có chính sách cho sinh viên vay tiền để học đại học, cao đẳng, nhưng lại chưa có sự quan tâm thỏa đáng đến những khó khăn và nhu cầu của số giảng viên trẻ. Từ khi thực hiện đào tạo tín chỉ đến nay chưa có cải cách gì đáng kể về lương và phụ cấp cho giảng viên. Chính vì thế, hiện nay nhiều ngành khó tuyển được

một sinh viên học giỏi, có năng lực thực tiễn ở lại trường làm giảng viên. Một số ngành khoa học cơ bản như toán học, triết học, v.v., không tuyển được học sinh giỏi vào học nên khó có thể đào tạo được nhân tài cho đất nước. Mặc dù có nhiều em học sinh phổ thông rất giỏi toán nhưng ít em muốn chọn cho mình một ngành nghề ít được xã hội coi trọng. Trong các trường đại học, do kinh phí hạn hẹp nên chưa có trường nào dám nghĩ đến một chính sách khuyến khích đối với giảng viên tích cực trong việc áp dụng khoa học và công nghệ, áp dụng ngoại ngữ trong giảng dạy chuyên môn.

Các ngành triết học, khoa học kinh tế và khoa học kỹ thuật không phải là truyền thống của người Việt Nam, mà là tiếp thu từ nước ngoài. Tất cả các khái niệm khoa học đều có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài, kể cả hầu hết các thuật ngữ triết học, chính trị - xã hội. Tuy nhiên, nhiều giảng viên đơn giản nghĩ rằng chỉ cần tiếng Việt là có thể nghiên cứu, giảng dạy mà không cần biết ngoại ngữ. Thí dụ, hiện nay ở nước ta hầu hết các tiến sĩ triết học không đủ trình độ ngoại ngữ để có thể đọc một tác phẩm triết học hay một công trình nghiên cứu nước ngoài. Từ khi Liên Xô sụp đổ, nguồn sách vở từ nước Nga và số người có khả năng đọc tiếng Nga cũng không còn nhiều. Như vậy, kiến thức của giảng viên triết học và chính trị hiện nay chủ yếu chỉ căn cứ trên mấy tài liệu viết bằng tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Việt vừa sai sót, vừa quá lỗi thời. Nhiều giảng viên Mác-Lênin chưa đọc hết, chứ đừng nói nắm vững các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin, tác phẩm của các nhà triết học trong lịch sử. Do đó mới có tình trạng trình độ lý luận của chúng ta rất lạc hậu so với thực tiễn của đất nước và so với các nước khác trên thế giới. Những thuật ngữ triết học, chính trị được Trung Quốc dịch ra rồi chúng ta cứ thế mà sử dụng, không ai biết rằng những từ như “chủ nghĩa cộng sản” (communism), “giai cấp công nhân” (the working class), “chủ nghĩa hiện sinh” (existentialism), “chủ nghĩa thực dụng” (pragmatism), “chủ nghĩa bảo thủ” (conservatism), v.v., là những từ bị Trung Quốc dịch sai, nghĩa của từ dịch không đúng, thậm chí xuyên tạc nghĩa của thuật ngữ gốc.

2.3. Về thái độ và thói quen học tập của sinh viên

Sinh viên ở nước ta hiện nay có tư tưởng và thói quen học tập chưa phù hợp với việc đào tạo theo học chế tín chỉ. Đào tạo tín chỉ với việc giảm thời lượng lên lớp không phải là giảm yêu cầu học tập. Tuy vậy, hiện nay một số lớn sinh viên chưa hiểu được điều này, nên không phải sinh viên nào cũng dùng thời gian dôi ra để tự nghiên cứu. Vì vậy, việc giảm thời gian lên lớp về lý thuyết là có lợi, nhưng trên thực tế đối với đa số sinh viên chưa phải là tốt. Thực tế, nếu thực hiện đúng yêu cầu về chất lượng thì hàng nghìn sinh viên sau năm thứ nhất đã phải ra trường (trường hợp ở Trường Đại học Bách khoa). Vì sức ép của nhà trường nên giảng viên đành phải giảm yêu cầu về chất lượng, như cho sinh viên sử dụng tài liệu khi làm bài thi. Tuy nhiên, nếu kiến thức một môn học mà chỉ cần hiểu và không cần phải ghi nhớ thì, sau khi thi xong, nó sẽ không còn để lại một dấu vết gì trong đầu người học cả. Liệu đào tạo như vậy có tốt không? Chúng ta cần phân biệt đào tạo đại học với đào tạo cao học. Ở trình độ cao học, yêu cầu người học phải có trình độ nghiên cứu, mở rộng kiến thức là chính. Còn ở trình độ đại học,

sinh viên phải nắm vững một hệ thống những kiến thức cơ bản, không chỉ hiểu mà còn phải nhớ nữa. Còn nếu học đại học mà không cần phải nhớ thì chất lượng rõ ràng không cao.

2.4. Về cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo

Chúng ta hiện nay đang mắc một sai lầm duy ý chí. Muốn mở rộng số lượng và nâng cao chất lượng đào tạo nhưng không tăng kinh phí cho đào tạo.

Cơ sở phòng học hiện nay không đảm bảo, lớp tín chỉ quá đông (trên 100 sinh viên), sinh viên phải ngồi chen chúc nhau, giảng viên chỉ có thể thuyết trình, không có điều kiện tổ chức trao đổi, thảo luận.

Chẳng hạn, ở Trường Đại học Sư phạm, các cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu, từ công vào cho thầy giáo và sinh viên đến phòng nước và vệ sinh cho giáo viên đều chưa có thể chấp nhận được. Có mấy dãy phòng học nhà cấp 4 lợp tôn thấp trệt xây dựng mấy chục năm rồi, mùa hè thì nóng bức, khi trời mưa thì mái tôn kêu âm ỉm, không dạy dỗ gì được cả, nhưng Trường chưa có kế hoạch tu sửa gì cả. Nguyên nhân cơ bản mà chúng tôi được biết là Trường Đại học Sư phạm không thu học phí, nên với kinh phí ít ỏi do Nhà nước cấp thì không thể tính đến những dự án lớn, như tu sửa phòng học, mua sắm phương tiện kỹ thuật phục vụ giảng dạy, thực hiện chế độ khuyến khích giảng viên tích cực, thậm chí phụ cấp giờ giảng quá thấp đến mức không thể chấp nhận được, v.v...

3. Một số giải pháp khắc phục

3.1. Về xây dựng trường đại học nghiên cứu

Để tạo một sự biến đổi căn bản về chất trong các trường đại học ở nước ta hiện nay không thể là một cách làm chấp vớ được. Chúng tôi hoàn toàn tán thành Đề án xây dựng Đại học Đà Nẵng thành đại học nghiên cứu. Nếu không làm như vậy thì không thể thắng được lực cản của sự trì trệ do những tư tưởng và thói quen cũ. Tuy nhiên để thực hiện được Đề án này cần phải có một lộ trình và chế độ chính sách nhất định. Trước mắt cần làm thí điểm ở một số khoa, ngành, lựa chọn một số giảng viên và sinh viên có trình độ và khả năng nghiên cứu để xây dựng điển hình, rút kinh nghiệm, rồi từng bước nhân rộng ra.

3.2. Vấn đề tuyển chọn giảng viên

Vấn đề xây dựng đội ngũ, tuyển chọn giảng viên mới cần phải căn cứ trên những tiêu chuẩn của một giảng viên đại học, trước hết là những người có tâm huyết với khoa học, có trình độ và khả năng nghiên cứu, chẳng hạn, khi còn ngồi trên ghế nhà trường đại học, sinh viên đó đã có khả năng nghiên cứu, thể hiện ở kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong những năm qua, việc tuyển chọn giảng viên của chúng ta ít căn cứ trên tiêu chuẩn này. Ngoài ra, cần phải căn cứ trên kết quả học tập các môn chuyên ngành là chính, còn điểm thấp ở một vài môn không chuyên ngành có thể châm chước được. Còn nếu dàn trải cho đều, không có môn nào nợ, nhưng trình

độ chuyên môn không xuất sắc thì chúng ta sẽ không có giảng viên giỏi. Theo chúng tôi, có thể *chọn những người tốt nghiệp thạc sĩ* đã qua công tác, có thành tích nghiên cứu khoa học và trình độ ngoại ngữ về làm giảng viên đại học.

Hiện nay, nhiều giảng viên chỉ coi việc giảng dạy là một cái nghề “đi cày để kiếm sống”, do đó chỉ cần thuộc giáo án là có thể đánh nam dẹp bắc, ít quan tâm gì đến việc mở rộng và nâng cao trình độ chuyên môn, thậm chí có giảng viên dạy nhiều năm vẫn chưa nắm vững môn học vì thế không “giảng” được nên mới có tình trạng “đọc chép” hoặc “chiếu chép”. Do đó, theo chúng tôi, tuyển chọn giảng viên ngoài khả năng chuyên môn và ngoại ngữ cần phải tính đến thái độ đối với việc nghiên cứu khoa học. Chúng tôi ước gì việc tuyển dụng giảng viên được tổ chức một cách bài bản, công phu như việc chọn ca sĩ, người dẫn chương trình truyền hình, v.v... như Nhà nước đang làm hiện nay.

3.3. Cải cách chế độ tuyển sinh

Để có thể tuyển chọn được một sinh viên có khả năng học tập và nghiên cứu khoa học cần phải cải cách chế độ tuyển sinh hiện nay. Chúng tôi mạnh dạn đề xuất: bằng một cách nào đó thực hiện ưu tiên những học sinh có trình độ ngoại ngữ tốt vào các trường đại học. Thêm khối D và danh sách tuyển sinh vào các chuyên ngành kinh tế. Thay thế khối C bằng khối D để tuyển sinh vào chuyên ban triết Khoa Giáo dục chính trị.

3.4. Áp dụng dạy và học bằng song ngữ ở những môn chuyên ngành

Theo chúng tôi, sở dĩ các trường đại học Singapore đạt được đẳng cấp quốc tế có một nguyên nhân quan trọng là vì sinh viên Singapore (trên 75% là người Trung Quốc), ngoài tiếng mẹ đẻ, họ còn rất thành thạo tiếng Anh và đọc trực tiếp các tài liệu tiếng Anh, được nghe giảng trực tiếp các giáo sư mời từ các trường đại học danh tiếng trên thế giới.

Sinh viên của chúng ta về bản chất không kém gì sinh viên Singapore, nhưng do phương pháp giáo dục của chúng ta đã làm cho họ yếu kém ngoại ngữ. Cần nhớ lại dưới thời chính quyền cũ, học sinh đã học ngoại ngữ từ lớp ba, lên bậc trung học phổ thông đã biết hai ngoại ngữ. Sinh viên và giảng viên các trường đại học thời đó đã có khả năng sử dụng được ngoại ngữ. Sau hơn 35 năm nước nhà thống nhất mà nền giáo dục của chúng ta vẫn chưa khắc phục được điểm yếu kém này là điều không thể chấp nhận được.

Để khắc phục tình trạng này, các trường đại học ngoài việc dạy ngoại ngữ giao tiếp phổ thông như hiện nay, cần phải có biện pháp kiên quyết áp dụng giảng dạy các môn chuyên ngành bằng song ngữ với mục đích giúp cho sinh viên ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường đại học đã có thể làm việc trên mạng và tiếp cận được với kho tàng tri thức của thế giới, đồng thời sinh viên sẽ bớt khó khăn khi dự giờ giảng của một giảng viên nước ngoài.

3.5. Đảm bảo cơ sở vật chất cho đào tạo

Kinh nghiệm ở Đại học Quốc gia Singapore (NUS), phòng học, thư viện cũng không cần khang trang lộng lẫy, nhưng rất tiện lợi cho người dạy và người học. Mỗi phòng học có một máy tính, máy chiếu và một màn chiếu to lắp đặt sẵn, thêm một tấm bảng nhỏ để viết bên cạnh màn chiếu. Phòng học chỉ có khoảng dưới 50 sinh viên, ngồi thoải mái, mỗi bàn có ổ cắm điện để sinh viên có thể sử dụng máy tính xách tay. Thư viện được tổ chức rất tiện lợi cho việc đọc và mượn sách nên lúc nào cũng đông nghịt sinh viên. Còn Trung tâm tư liệu Đại học Đà Nẵng tuy có vẻ khang trang hơn Thư viện Đại học Quốc gia Singapore nhưng không tiện lợi cho sinh viên và giảng viên, nên hiệu quả sử dụng rất thấp.

4. Kết luận

Tóm lại, để thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ với chất lượng ngày càng nâng cao, chúng ta cần phải thẳng thắn nhìn nhận những yếu kém bất cập hiện nay và có một chiến lược phát triển đúng đắn để tạo ra một bước chuyển biến căn bản, nhất là phải tuyển chọn được đội ngũ giảng viên có đầy đủ tâm huyết với khoa học, có trình độ chuyên môn cao và ngoại ngữ tốt. Ngoài ra còn phải cải cách chế độ tuyển sinh để chọn lọc một đầu vào thật tốt, cải cách chế độ tiền lương và phụ cấp cho giảng viên và trang bị cơ sở vật chất đảm bảo tối thiểu cho những yêu cầu của việc tổ chức một lớp học có chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tấn Hùng (2007), *Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đào tạo tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục, Số 168, Kì 2, 7-2007, tr. 17-18
- [2] Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Dạy và học bằng song ngữ: phương pháp tốt nhất để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ của sinh viên*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 2-2010, tr. 192-197.